

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ LONG MỸ  
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 22/01/2018.

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ LONG MỸ  
TỈNH HẬU GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đào Thị Thủy.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Trương Thị Hằng.

2. Ông Hồ Thanh Tùng.

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Đinh Thị Thảo Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Long Mỹ tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Mỹ Diện.

Ngày 22 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 45/2017/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2017. Về việc: “Ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2018/QĐXX-ST, ngày 08 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Trần Thị Đ, sinh năm: 1974.

Địa chỉ: Ấp LH 2, xã TP, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Trần Văn G, sinh năm: 1979.

Địa chỉ: Ấp LH 2, xã TP, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn Trần Thị Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ngày 23 tháng 5 năm 2001 chị Trần Thị Đ và anh Trần Văn G có đăng ký kết hôn tại UBND xã LP hôn nhân do anh chị cùng tự nguyện.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Do Anh G không lo làm ăn, thường xuyên uống rượu về nhà đánh đập chị Đ, chị đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng anh G không sửa đổi từ đó vợ chồng thường xuyên cự cãi, cuộc sống chung không hạnh phúc, vợ chồng anh chị đã ly thân gần 05 năm nay.

Về con chung: Chị Đ và anh G có 02 con chung là cháu Trần Hữu N (giới tính: nam), sinh ngày 18/4/2001 và cháu Trần Hữu L (giới tính: nam) sinh ngày 11/01/2009. Hiện nay các cháu đang sống chung với chị Đ. Sau khi ly hôn chị Đ yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Có, nhưng vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản hòa giải ngày 13 tháng 11 năm 2017 của Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ và trong các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Trần Văn G cũng thống nhất lời trình bày của chị Đ về ngày tháng kết hôn, con chung, tài sản chung, nợ chung là đúng.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Do vợ chồng bất đồng quan điểm nên trong lúc tức giận anh G có đánh chị Đ vài lần, tuy nhiên mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị không lớn nên anh G yêu cầu được đoàn tụ lại với chị Đ.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án, từ khi tòa án thụ lý vụ án đến nay Thẩm phán được phân công đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48, 198 Bộ luật tố tụng dân sự như: Xác định mối quan hệ tranh chấp, tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, gửi quyết định xét xử cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp tổng đạt văn bản tố tụng cho những người tham gia tố tụng đúng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo thủ tục quy định về phiên tòa sơ thẩm. Đối với các đương sự: Từ khi

thủ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70,71,72, 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Long Mỹ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Trần Thị Đ được ly hôn với anh G; Về con chung cho chị Đ được tiếp tục nuôi cháu Trần Hữu N và cháu Trần Hữu L; Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu nên không giải quyết; Về án phí nguyên đơn Trần Thị Đ phải nộp 300.000 đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn Trần Văn G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng cố tình vắng mặt không lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn Trần Văn G.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án “Ly hôn” theo khoản 1 Điều 28, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Về hôn nhân: vào ngày 23/05/2001 chị Đ và anh G có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LP nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn Trần Thị Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu được ly hôn với anh G. Hội đồng xét xử xét thấy trong quá trình chung sống, nguyên nhân do anh G không chăm lo cho gia đình, thường xuyên uống rượu về rồi còn đánh chị Đ dẫn đến cuộc sống chung không hạnh phúc, vợ chồng anh chị đã ly thân gần 05 năm nay, thời gian ly thân kéo dài nhưng vợ chồng anh chị không thể hàn gắn được, từ đó chứng minh rằng mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị là trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Trần Thị Đ.

[4] Về con chung: Chị Đ và anh G có 02 chung là cháu Trần Hữu N, sinh ngày 18/4/2001 (giới tính: nam) và cháu Trần Hữu L (nam) sinh ngày 11/01/2009. Chị Đ yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu N và cháu L, Quá trình giải quyết vụ án cháu N và cháu L cùng có nguyện vọng được tiếp tục ở với chị Đ và tại phiên hòa giải anh G thống nhất trường hợp vợ chồng ly hôn, anh G đồng ý để chị Đ tiếp tục nuôi con chung. Vì vậy theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận cho chị Đ tiếp tục nuôi dưỡng cháu Trần Hữu N và cháu Trần Hữu L. Chị Đ chưa yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con nên chưa xem xét. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho anh G không ai được quyền cản trở.

[5] Về tài sản chung: Có, chị Đ và anh G đã tự thỏa thuận xong, không yêu cầu nên không xem xét.

[6] Về nợ chung: Không có, nên không xem xét.

[7] Xét quan điểm của kiểm sát viên tham gia phiên tòa là phù hợp nên được chấp nhận.

[8] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn Trần Thị Đ phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28; Điều 35; Điều 227; Điều 228; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 56 và Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Trần Thị Đ được ly hôn với anh Trần Văn G.

[2] Về con chung: Chị Đ được tiếp tục nuôi cháu Trần Hữu N (giới tính: nam), sinh ngày 18/4/2001 và cháu Trần Hữu L (giới tính: nam) sinh ngày 11/01/2009. Chị Đ chưa yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con nên chưa xem xét.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho anh G không ai được quyền cản trở.

[3] Về tài sản chung: Có, chị Đ và anh G đã tự thỏa thuận xong, không yêu cầu nên không xem xét.

[4] Về nợ chung: Không có, nên không xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Trần Thị Đ phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được chuyển từ tạm ứng án phí đã nộp sang án phí theo lai thu số 0012211 phiếu lập ngày 28 tháng 11 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

[6] Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 22/01/2018). Bị đơn Trần Văn G được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở UBND nơi bị đơn đang cư trú.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(đã ký)**

**Nơi Nhận:**

- VKSND thị xã Long Mỹ;
- THADS thị xã Long Mỹ;
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- UBND xã Tân Phú.
- Lưu HS;

**Đào Thị Thủy**